

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI TỰ DO NGHIỆP ĐOÀN VÀ ÀI HỮU CỦA CÔNG NHÂN NHỮNG NĂM 1936 - 1939

NGUYỄN THỊ CHINH*

Phong trào đấu tranh đòi tự do nghiệp đoàn (TDND) và lập hội ài hữu là một hoạt động phong phú và sinh động của công nhân Việt Nam những năm 1936-1939. Một trong những yếu tố quyết định thúc đẩy phong trào này phát triển là chủ trương của Đảng tại Hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài tháng 7 - 1936 về mở rộng hoạt động công khai của tổ chức Công hội đỏ trong tình hình mới.

Sau khi lên cầm quyền năm 1936, Chính phủ của Mặt trận bình dân Pháp đã ban hành một số quyền tự do dân chủ ở trong nước, như quyền tự do hội họp, mít tinh, biểu tình,... Một số quyền đó được áp dụng ở thuộc địa nhưng chính quyền thực dân ở Đông Dương không chịu thi hành. Thực hiện chủ trương của Quốc tế cộng sản là hướng cuộc đấu tranh vào ngăn chặn chiến tranh do chủ nghĩa phát xít phát động, bảo vệ hòa bình và đòi quyền dân sinh dân chủ, Đảng ta triệt để lợi dụng điều kiện thuận lợi, đẩy lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng lao động. Trong Chỉ thị của Ban Trung ương ĐCS Đông Dương, được thông qua tại Hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài, ngày 26-7-1936, Đảng chỉ rõ: Phải biết áp dụng các khả năng công khai và bán công khai để tổ chức giai cấp thợ thuyền, phải sử dụng các hội ài hữu, các hội cứu tế và...v.v Cần phải sử dụng tất cả các hình thức tổ chức thuộc về nghiệp đoàn và nghề thủ công để thống nhất thợ thuyền, để đòi cho được những quyền lợi hàng ngày của thợ thuyền. Chỉ

cò sự giúp đỡ từng bước của tổ chức này, khi giáo dục quần chúng mới có thể dẫn dắt đa số giai cấp thợ thuyền vào cuộc tranh đấu giai cấp, giác ngộ và vào các tổ chức của giai cấp¹.

Thực hiện chủ trương của Đảng, từ giữa năm 1936, phong trào đấu tranh đòi TDND bắt đầu khởi động và là một nội dung đấu tranh trong cuộc vận động Đại hội Đông Dương². Trong phong trào Đại hội Đông Dương, giai cấp công nhân đã lập các ủy ban hành động hoạt động công khai, giương cao khẩu hiệu "tự do nghiệp đoàn". Ủy ban hành động có nội dung hoạt động riêng như một ủy ban trị sự nghiệp đoàn. Do vậy, đến cuối tháng 9-1936, chính quyền thực dân ra lệnh cấm Đại hội Đông Dương, phong trào đấu tranh của công nhân vẫn tiếp tục phát triển.

Công nhân đã sử dụng phương tiện báo chí và nhiều hình thức khác, như nghị trường, mít tinh, bãi công, trực tiếp gặp nhà cầm quyền đòi TDND. Trong các cuộc tiếp xúc với Gôđa, phái viên của Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình lao động Đông Dương, cũng như Borèviê sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương (đầu năm 1937), đại biểu công nhân đã trực tiếp gặp và yêu cầu đại diện Chính phủ Pháp cho công nhân Đông Dương được hưởng Luật nghiệp đoàn năm 1884 như công nhân Pháp. Trước yêu cầu chính đáng của công nhân, Gôđa phải tuyên bố tán thành tự do nghiệp đoàn. Còn tân Toàn quyền Borèviê hứa sẽ nghiên cứu, xem xét để áp dụng Luật nghiệp đoàn năm 1884 phù hợp với điều kiện Đông Dương và trước tiên sẽ thi hành trong các sản nghiệp.

* Học viên CTQG Hồ Chí Minh

Nhằm xoa dịu phong trào đấu tranh của công nhân, giữa năm 1937, chính quyền thuộc địa đã phải nhượng bộ, đưa ra bản "Dự thảo đạo luật thích ứng Luật nghiệp đoàn năm 1884 ở Pháp" vào hoàn cảnh Đông Dương. Mặc dù sự kiện đó như bước xuống thang làm dịu phong trào đấu tranh của công nhân, nhưng bản Dự thảo không chỉ cắt xén nội dung Luật nghiệp đoàn năm 1884 mà còn chứa đựng nhiều điều trói buộc người lao động trong lúc thi hành. Báo chí cách mạng và tiến bộ phản đối kịch liệt bản Dự thảo của chính quyền thuộc địa. Hàng chục số báo *Lao động*, *Dân chúng*, *Bạn dân*... đã có bài so sách một cách chi tiết những thủ đoạn cắt xén, thêm bớt giữa bản Dự thảo và Luật nghiệp đoàn, vạch trần chính quyền thực dân âm mưu loại trừ mọi khả năng thực thi quyền TDND. Đánh giá bản Dự luật, báo *Bạn dân*, số ra ngày 1-7-1937 viết: "Đối với tình thế hiện tại của lao động Đông Dương, draft bản Dự thảo ấy là điều tiến bộ mấy đi nữa, ta cũng không thể nói rằng nó là bản dự thảo về tự do nghiệp đoàn vì nó đã dành cho chính phủ thuộc địa một quyền hạn quá rộng. Thành thử nói tự do, kỳ thật chỉ có tiếng chứ không có miếng". Không chỉ có vậy, chính quyền thực dân còn tìm mọi cách để trì hoãn việc ban hành bản Dự thảo, lấy cớ là cần phải được phòng thương mại ở các thành phố xem xét, thông qua. Phòng thương mại là cơ quan đại diện quyền lợi cho bọn tư sản phản động của Pháp ở Đông Dương nên đều lên tiếng phản đối Dự luật và yêu cầu hoãn không thời hạn việc thi hành. Về mặt đại lý trị sự của Công ty tài chính Pháp và thuộc địa nói rằng: "Cho quần chúng thợ thuyền tập hợp trong các công hội nghề nghiệp là hoàn toàn trái với phong tục và đạo lý ở tất cả các nước Viễn Đông"³.

Cùng với lãnh đạo công nhân đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi chính quyền thực dân phải thực hiện lời hứa về TDND, Đảng chỉ đạo xúc tiến xây dựng các tổ chức nghiệp đoàn: "... phải dùng những hình thức như ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn, hữu ái, tương tế, ủy ban công xưởng cùng các hội thể thao, đọc sách báo, hợp tác xã mà tổ chức cho được quảng đại quần chúng công nhân, phải đặc biệt chú ý gây cơ sở tổ chức trong các xí nghiệp kỹ nghệ, các mỏ, các đồn điền"⁴. Vì vậy, từ đầu

năm 1937, cuộc vận động thành lập các ủy ban lâm thời nghiệp đoàn (hay còn gọi là ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn) phát triển rộng rãi, sôi nổi trong toàn quốc. Ủy ban được thành lập từ cấp nhà máy, xí nghiệp đến cấp thành, xứ, hiệu triệu công nhân tham gia nghiệp đoàn. Đến giữa năm 1937, bất chấp âm mưu trì hoãn, cắt xén Luật nghiệp đoàn năm 1884, các ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn Sài Gòn và Hà Nội ra đời. Những ủy ban này làm nhiệm vụ giáo dục ý thức về nghiệp đoàn, những quy định khi tham gia nghiệp đoàn; xây dựng tổ chức quần chúng của công nhân. Thương ngày, những cán bộ nghiệp đoàn luôn có mặt ở trụ sở ủy ban để giải đáp thắc mắc về luật lao động, hướng dẫn cách làm đơn đòi quyền lợi cho người lao động, giúp đỡ công nhân lao động bị bắt giam... Ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn thực sự là trung tâm tập hợp lực lượng của đông đảo quần chúng công nhân. Bởi vậy, chính quyền thực dân tìm mọi cách khủng bố ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn và những cán bộ nghiệp đoàn. Ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn Sài Gòn vừa thành lập được ít ngày đã bị bọn mật thám đến khám xét, tịch thu giấy tờ, bắt những người có mặt ở đó. Hai tháng sau, chúng đưa họ ra tòa, xử mỗi người 2 tháng tù giam.

Phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ và được sự ủng hộ các tầng lớp lao động trong nước và ở Pháp. Đội ngũ báo chí cách mạng và tiến bộ ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn đều lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ TDND của công nhân, đồng thời đấu tranh vạch trần các âm mưu, thủ đoạn của chính quyền thực dân trong việc trì hoãn yêu cầu chính đáng của công nhân; đòi thực hiện ngay và đầy đủ Luật nghiệp đoàn năm 1884.

Trước khi thế đấu tranh mạnh mẽ, liên tục của công nhân, vừa để xoa dịu tình hình, vừa đánh lạc hướng phong trào, tháng 8 - 1937, Thống sứ Saten buộc phải nhượng bộ một bước, cho phép thợ thuyền Bắc Kỳ được tự do lập tổ chức ái hữu với mục đích là hướng công nhân vào những tổ chức tương tế, ái hữu. Báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận công khai của ĐCS Đông Dương, số ra ngày 1 - 10 - 1938, nhận xét: "Tự do tổ chức ái hữu, theo con mắt của nhà đương cuộc ấy là phương pháp dăm lỗ một cho rút bớt nước

dám ruộng trâu, làm cho quần chúng xao lãng mà không đòi nghiệp đoàn nữa"- tức là đẩy quần chúng ra khỏi hoạt động chính trị và khống chế họ.

Nắm rõ âm mưu của địch, tranh thủ cơ hội hiếm hoi, Đảng ta chủ trương: "Lúc chưa được tổ chức nghiệp đoàn công khai, ta phải lợi dụng các cơ hội công khai và bán công khai, ta phải lợi dụng các hội ái hữu, tương tế và hợp tác xã, v.v: tên gì cũng được, chỉ cốt nội dung để thâu phục và giác ngộ quần chúng tranh đấu đòi thực hiện tự do nghiệp đoàn và cải thiện sinh hoạt"⁵⁵.... "không nên câu nệ về cái tên gọi"⁵⁶. Báo chí cách mạng giải thích rõ mối quan hệ mật thiết giữa ái hữu và nghiệp đoàn: ái hữu chuẩn bị trực tiếp cho nghiệp đoàn, nghiệp đoàn thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của tổ chức ái hữu. Hai cuộc vận động đó cần tiến hành song song, vừa củng cố và mở rộng cuộc vận động lập hội ái hữu, vừa kiên quyết đấu tranh đòi TDND. Vấn đề mấu chốt là phải sử dụng mọi hình thức để tập hợp, tổ chức, đoàn kết quần chúng công nhân tranh đấu. Chủ trương đúng đắn của Đảng nhanh chóng được quần chúng lao động đón nhận. Bởi vậy, khi Saten cho phép, tổ chức ái hữu phát triển rộng khắp trong công nhân, viên chức ngành nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, thủ công nghiệp, dịch vụ... Nhiều nơi, nhà cầm quyền chưa cấp giấy phép, công nhân và lao động các ngành nghề thủ công đã tự động lập hội ái hữu, đặt trụ sở công khai, kêu gọi quần chúng tham gia. Phong trào nhanh chóng lan rộng khắp cả Bắc, Trung, Nam. Ở mỗi kỳ có hàng chục tổ chức ái hữu nghề nghiệp, thu hút hàng vạn hội viên tham gia. Riêng xưởng Ba Son, năm 1937, có 261 hội viên, năm 1938 tăng lên 400 trên tổng số 1000 công nhân.

Để đẩy mạnh phong trào, báo chí công khai của Đảng đã hướng dẫn công nhân cách thức tổ chức, hoạt động, lập ban trị sự, đặt trụ sở,... và đưa tin kịp thời về việc thành lập các hội ái hữu, tố cáo các thủ đoạn đe dọa, khủng bố của chính quyền thực dân, giới chủ đối với các hội ái hữu. Trong thời gian này, một loạt điều lệ về TDND, ái hữu như *Điều lệ Công hội sản nghiệp thống nhất* (1937), *Điều lệ Hội cứu tế do Đông Dương* (1937), *Điều lệ Bắc Kỳ ấn công ái hữu hội*

(1938)... được Đảng ta xuất bản và cho lưu hành rộng rãi có ý nghĩa định hướng phong trào đấu tranh.

Do vậy, tuy quyền tự do tổ chức nghiệp đoàn chưa được thừa nhận nhưng những cuộc mít tinh, biểu tình, hội họp, đấu tranh đòi TDND đã thành "món ăn" hàng ngày của công nhân. Thực hiện chủ trương của Đảng dù nghiệp đoàn chưa được tổ chức hợp pháp, nhưng các chiến sĩ nghiệp đoàn đã khéo léo lợi dụng hình thức hội ái hữu mà chính quyền thuộc địa cho phép tổ chức để hoạt động. Do đó, phong trào ái hữu phát triển và có ảnh hưởng lớn trong quần chúng nhân dân. Theo đó, các tầng lớp xã hội khác, như tiểu thương, viên chức, học sinh, nông dân, v.v. cũng lập hội của ngành, của giới mình để hoạt động.

Hoạt động sôi nổi của tổ chức ái hữu, nói đúng hơn là của nghiệp đoàn dưới danh nghĩa ái hữu, làm cho chủ tư bản cũng như chính quyền thuộc địa lo sợ đối phó mà phổ biến là sa thải những công nhân tham gia ái hữu, nhất là những người trong ban trị sự. Chủ công ty dệt Nam Định đã đuổi 200 gia đình tham gia ái hữu ra khỏi khu ở của công nhân nhà máy. Chủ hãng ôtô buýt Sài Gòn sa thải một lần 22 công nhân vì tham gia ái hữu... Bên cạnh đó, chúng cho bọn tay sai lập các tổ chức ái hữu phản động để chia rẽ nội bộ lực lượng công nhân. Bọn Tờrốtkit lập "Ủy ban sáng xuất công hội" để tranh giành ảnh hưởng với Ủy ban sáng xuất nghiệp đoàn Sài Gòn và Nam Kỳ. Mặc dù bị chống phá ác liệt bởi những thủ đoạn như vậy, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào ái hữu của công nhân vẫn tiếp tục phát triển. Lo sợ trước tình hình đó, chính quyền thực dân đã tìm cách khống chế hoạt động của ái hữu bằng cách quy định các ái hữu phải xin phép hoạt động, phải tuân thủ điều lệ của chính quyền thuộc địa: cấm các cuộc họp quá 20 người, người tham gia ái hữu phải đủ 18 tuổi, ứng cử vào ban trị sự phải từ 28 tuổi trở lên... Báo *Tin tức*, cơ quan của Xứ ủy Bắc Kỳ, số ra ngày 26 - 7 - 1938, đã so sánh một cách mỉa mai rằng: Một viên lý trưởng cai trị hàng trăm, có khi đến hàng ngàn dân chúng, chỉ cần đủ 25 tuổi, trong khi đó, một uỷ viên trị sự ái hữu phải 28 tuổi mới đủ tư cách?

Bất chấp những hành động phá hoại của địch, bằng những hình thức tổ chức thích hợp, phong trào ái hữu của

công nhân vẫn phát triển mạnh mẽ, đều khắp trước sự đe dọa, khủng bố của chính quyền thực dân đã cho thấy sự trưởng thành về chính trị của công nhân Việt Nam.

Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ, chính quyền thuộc địa tiến hành đàn áp, khủng bố trắng phong trào dân chủ. Ngày 28 - 9 - 1939, chúng ra Nghị định giải tán tất cả ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu sổ sách, tài liệu và khám xét trụ sở các hội ái hữu, phong trào đấu tranh đòi TDND và ái hữu đến đâu tam dừng lại.

Đấu tranh đòi TDND là cuộc đấu tranh hết sức gay go, quyết liệt của công nhân Việt Nam đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ. Tuy quyền TDND chưa được thi hành, nhưng đã giành được một số quyền lợi thiết thực của công nhân và quần chúng lao động, như quy định về ngày làm 8 giờ, mỗi năm người lao động được nghỉ 5 ngày phép có lương và 10 ngày phép không lương, không được bắt phụ nữ và trẻ em làm việc ban đêm... Phong trào ái hữu và nghiệp đoàn đã giác ngộ được hàng vạn công nhân, làm cho mối liên hệ giữa giai cấp công nhân với ĐCS thêm chắc chắn, sâu sắc.

Do vậy, "Những tổ chức quần chúng như các hội ái hữu, tương tế của thợ thuyền, nông dân, các hợp tác xã của tiểu thủ công, tiểu thương, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, đều là bộ phận không khí của M.T.D.C, là nền tảng để thực hiện M.T.D.C thống nhất".

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với phong trào ái hữu và nghiệp đoàn, giai cấp công nhân đã động viên, cổ vũ, tổ chức, đoàn kết với các lực lượng dân tộc dân chủ tham gia và đóng góp quan trọng vào cao trào dân chủ 1936 - 1939. Đây là một thành công lớn của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng ở thời kỳ 1936-1939.

1,4,5,6,7. Văn kiện Đảng Toàn Tập, CTQG, H, 2000, T.6, tr. 87, 290, 278, 241, 642

2. Cuộc vận động Đại hội Đông Dương là do Đảng ta khởi xướng nhằm tập hợp ý kiến, nguyện vọng của quần chúng, thông qua các đại hội từ cơ sở đến toàn Đông Dương để gửi cho đoàn đại biểu Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương.

3. Ban nghiên cứu Lịch sử công đoàn Việt Nam: *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860 - 1945)*, NXB Lao động, H, 1977, tr. 133

MỘT SỐ NÉT VỀ XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 34)

Ba là, phải tự đào tạo. Cùng với việc bồi dưỡng, đào tạo theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các hoạt động đào tạo của nhà trường, mỗi cán bộ giảng dạy phải nêu cao tinh thần tự đào tạo. Bằng cách tự đào tạo, những người làm công tác giáo dục mới tránh được sự tụt hậu về kiến thức, đáp ứng được yêu cầu của người học trước những vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong mối quan hệ dạy và học, người thầy đóng thời cũng là người học. Người thầy cũng phải nỗ lực vươn lên trong học tập, nghiên cứu khoa học để theo kịp sự phát triển của thời đại.

Chúng ta đang sống trong thời đại khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, đổi mới giáo dục đang diễn ra trên qui mô toàn cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy luôn được đổi mới đòi hỏi phải xây dựng ĐNCBGD ngang tầm nhiệm vụ. Để thực hiện yêu cầu đó, cần xây dựng, chuẩn hóa ĐNCBGD, đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức, phẩm chất đạo đức, có chính sách cải thiện đời sống vật chất, điều kiện làm việc của người thầy, và có chính sách cụ thể thể hiện sự tôn vinh của xã hội đối với những người làm nghề dạy học.

1. Văn kiện Đảng Toàn tập, CTQG, H, 2003, T 27, tr. 233

2. Một số văn kiện của Đảng và Chính phủ về công tác đại học và trung học chuyên nghiệp (1960- 1979), Lưu hành nội bộ, tr.90

3. Tập san đại học và trung học chuyên nghiệp, số 5 năm 1975, tr 2-3

4. Số liệu được xử lý theo Niên giám thống kê 20 năm phát triển giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (1955-1975), Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, 1976

5. Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, 30 năm nền giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp (1945- 1975), NXB DH&THCN, H, 1975, tr.100

6. Hồ Chí Minh Về vấn đề giáo dục, NXB Giáo dục, H, 1990, tr. 236.